

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt dự toán quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000  
phân khu Hiệp Tân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 05/2017/TT-BXD ngày 05/4/2017 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 176/TTr-SXD ngày 22/01/2019 phê duyệt dự toán lập quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 phân khu Hiệp Tân, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt dự toán dự án quy hoạch sau:

- Tên dự án: Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 phân khu Hiệp Tân, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.
- Chủ đầu tư: Sở Xây dựng.
- Địa điểm quy hoạch: Huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.
- Quy mô: 651,71 ha.
- Nguồn vốn: Vốn ngân sách tỉnh năm 2019.
- Tổng dự toán chi phí lập quy hoạch là 1.677.980.000 đ (Bằng chữ: Một tỷ sáu trăm bảy mươi bảy triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng).

(Bảng tổng hợp dự toán chi phí quy hoạch và phụ lục đính kèm).

**Điều 2.** Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận: *ung*

- Như Điều 2;
- Chủ tịch, các PCT.UBND tỉnh;
- PTVP, PVP Nhung, KTTC;
- Lưu: VT.

bìnhht\_QDUB\_025

10



Dương Văn Thắng

**Phụ lục**

**BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI PHÍ QUY HOẠCH**

(Kèm theo Quyết định số 402/QĐ-UBND ngày 17/4/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh)

| Các khoản mục chi phí                                                      | Cách tính                 | Dự toán đề xuất        |
|----------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------------------|
| <b>A. Chi phí tư vấn lập quy hoạch</b>                                     | <b>A = II</b>             | <b>1.445.402.000 đ</b> |
| I. Chi phí lập quy hoạch trước thuế                                        | $I = (I.1) + (I.2)$       | <b>1.314.002.000 đ</b> |
| 1- Lập đồ án quy hoạch                                                     | (I.1)                     | 1.222.589.000 đ        |
| 2- Lập nhiệm vụ quy hoạch                                                  | (I.2)                     | 91.413.000 đ           |
| II. Chi phí lập quy hoạch sau thuế                                         | $II = (II.1) + (II.2)$    | <b>1.445.402.000 đ</b> |
| 1- Lập đồ án quy hoạch                                                     | $(II.1) = I.1 \times 1.1$ | 1344848000 đ           |
| 2- Lập nhiệm vụ quy hoạch                                                  | $(II.2) = I.2 \times 1.1$ | 100554000 đ            |
| <b>B. Chi phí khác</b>                                                     | <b>B = (1+2+3+4+5)</b>    | <b>232.578.000 đ</b>   |
| 1- Chi phí thẩm định đồ án quy hoạch                                       | (1)                       | 86.254.000 đ           |
| 2- Chi phí thẩm định nhiệm vụ quy hoạch                                    | (2)                       | 18.283.000 đ           |
| 3- Chi phí quản lý nghiệp vụ lập quy hoạch                                 | (3)                       | 81.363.000 đ           |
| 4- Chi phí công bố đồ án quy hoạch                                         | (4)                       | 36.678.000 đ           |
| 5- Chi phí tổ chức lựa chọn nhà thầu                                       | (5)                       | 10.000.000 đ           |
| <b>C. Tổng chi phí lập quy hoạch</b>                                       | <b>C = A + B</b>          | <b>1.677.980.000 đ</b> |
| Bằng chữ: Một tỷ sáu trăm bảy mươi bảy triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng |                           |                        |

